

## Tập 61

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang tám mươi một.

**(Sớ) Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới Kinh vân: “Bồ Tát liễu tri chư Phật, cập nhất thiết pháp, giai duy tâm lượng, đắc Tùy Thuận Nhẫn, hoặc nhập Sơ Địa, xả thân tức sanh Diệu Hỷ thế giới, Cực Lạc Tịnh Phật độ trung”.**

(疏)如來不思議境界經云：菩薩了知諸佛，及一切法，皆唯心量，得隨順忍，或入初地，捨身速生妙喜世界，極樂淨佛土中。

**(Sớ: Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới Kinh chép: “Bồ Tát biết rõ chư Phật và hết thảy pháp đều chỉ là tâm lượng, đắc Tùy Thuận Nhẫn, hoặc nhập Sơ Địa, xả thân sẽ mau chóng sanh vào thế giới Diệu Hỷ, cõi Phật thanh tịnh Cực Lạc”).**

Ở chỗ này, đại sư trích dẫn kinh để chứng minh: “Bồ Tát biết rõ chư Phật, cập nhất thiết pháp, giai duy tâm lượng” (Bồ Tát biết rõ chư Phật và hết thảy pháp đều chỉ là tâm lượng). Câu này được sách Diễn Nghĩa chú giải [trong phần sau]. “*Thật sự liễu tri*”, thông thường chúng ta nói có hai loại: Một là giải ngộ, hai là chứng ngộ; liễu tri thuộc về chứng ngộ, cảnh giới này do người ấy đích thân chứng đắc. Cảnh giới của bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo hay Sơ Địa trong Biệt Giáo trở lên là cảnh giới Hiện Lượng, chứ không phải Tỷ Lượng<sup>1</sup>. Kinh điển Đại Thừa thù thắng hơn kinh Tiểu Thừa rất nhiều, trong kinh điển Tiểu Thừa có những Sự và Lý đức Phật không bàn đến, cho nên người Tiểu Thừa không hiểu. Trong kinh Tiểu Thừa, đức Phật chỉ nói thức thứ sáu, còn thức thứ bảy và thức thứ tám thì chỉ trong Đại Thừa Phật pháp, đức Phật mới thường nói đến. Chúng ta đọc tụng kinh điển Đại Thừa hiểu rõ những đạo lý ấy, chúng ta cũng tin tưởng. Khi chúng ta còn chưa chứng đắc cảnh giới ấy thì gọi là “*giải ngộ*”, tức là chúng ta lý giải. Giải ngộ cũng có ích rất lớn, vì sao? Những điều ấy là phương hướng dẫn dắt

---

<sup>1</sup> Hiện Lượng: Sự nhận biết các pháp bằng cái tâm chân thật, tức là cảm thọ, thông hiểu các pháp bằng chân tâm, chứ không qua thức. Hiện Lượng là cảnh giới đích thân chứng đắc, chứ không phải là sự nhận biết các pháp bằng vọng tâm.

Tỷ Lượng: Cảm thọ, nhận biết các pháp do so sánh, suy luận.

chúng ta tu hành. Thanh Lương đại sư chia kinh Hoa Nghiêm thành bốn khoa: Tín, Giải, Hành, Chứng. Đủ thấy trong kinh Hoa Nghiêm, “ngộ” trong phần Giải thuộc về giải ngộ, cho đến phẩm Nhập Pháp Giới, nay chúng ta gọi là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, thì mới là chứng ngộ, chẳng phải là giải ngộ. Do điều này có thể biết: Giải cũng chẳng dễ dàng! Liễu giải rồi tu hành sẽ thuận tiện rất lớn.

**(Diễn) Liễu tri Phật pháp giai duy tâm lượng giả, ngộ nhất thiết pháp.**

(演) 了知佛法皆唯心量者，悟一切法。

**(Diễn:** “Liễu tri Phật pháp đều chỉ là tâm lượng”: Ngộ hết thấy pháp).

“Ngộ” là giải ngộ.

**(Diễn) Giai tự tâm hiện lượng dã.**

(演) 皆自心現量也。

**(Diễn:** Đều là tự tâm hiện lượng).

Đều là tâm lượng của chính mình.

**(Diễn) Đắc Tùy Thuận Nhẫn giả.**

(演) 得隨順忍者。

**(Diễn:** Đắc Tùy Thuận Nhẫn là...)

Tốt đẹp ở chỗ này! Chúng ta ở trong hết thấy các pháp, tức là nói tới hết thấy Phật và pháp, chữ Phật tượng trưng cho mười pháp giới, tức hữu tình thế giới, dùng một chữ Phật làm đại diện, còn “*pháp*” là y báo, tức hoàn cảnh vật chất. Nay chúng ta gọi [y báo] là thực vật, động vật và các hiện tượng tự nhiên v.v... Tùy Thuận Nhẫn là đối với hết thấy hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa người và người) và hoàn cảnh vật chất đều có thể tùy thuận, ở trong ấy chẳng khởi phân biệt, chấp trước, cũng chẳng khởi vọng tưởng thì tu hành mới hòng đắc lực, mới có thể vận dụng công phu. Nếu trong hết thấy các pháp chẳng thể Tùy Thuận Nhẫn, sẽ gặp nhiều chướng ngại ngăn trở cái tâm thanh tịnh của quý vị. Vì thế, Tùy Thuận Nhẫn hết sức trọng yếu. Điều kiện tiên quyết của Tùy Thuận

Nhẫn là quý vị phải liễu tri vạn pháp “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, đạo lý là như vậy đó! Tận hư không trọn pháp giới đều là chính mình. Trừ chính mình ra, không có một pháp nào, pháp nào cũng đều là “*tự tâm sở hiện, tự tâm sở biến*”.

Kinh Đại Thừa thường nói: “*Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm*”, nhất định phải hiểu đạo lý này. Có như vậy thì mới có thể chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, mới có thể chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Cùng niệm Phật như nhau, cùng đắc nhất tâm như nhau, vậy thì Lý nhất tâm và Sự nhất tâm khác nhau ở chỗ nào? Ở ngay chỗ này! Một đấng hiểu sâu xa Lý này, một đấng là nghi hoặc Lý này, hoặc là về căn bản chẳng thể tiếp nhận. Dầu người ấy niệm đến mức nhất tâm, chỉ gọi là Sự nhất tâm. Sự nhất tâm là khuất phục phiền não, rất khó! Lý nhất tâm bèn chuyển biến phiền não, tự nhiên [phiền não] không còn nữa, bèn đắc tự tại!

***(Diễn) Duy tâm diệu lý, tùy thuận nhẫn khả.***

(演) 唯心妙理，隨順忍可。

***(Diễn: Tùy thuận, chấp nhận diệu lý duy tâm).***

Chỗ màu nhiệm của tâm, bản thể của hết thảy vạn pháp là Lý, [thường gọi là] Lý Thể. Lý Thể chính là tâm, tâm là bản thể của hết thảy các pháp. “*Tùy thuận nhẫn khả*”: “*Nhẫn khả*” có nghĩa là đồng ý, thừa nhận, lời Phật đã nói chúng con thừa nhận, chúng con tin tưởng, chúng con chẳng hoài nghi, đó gọi là “*nhẫn khả*”. “*Nhẫn khả*” (忍可) và “*nhận khả*” (認可) có cùng ý nghĩa.

***(Diễn) Thử Tam Hiền vị.***

(演) 此三賢位。

***(Diễn: Đối với điều này, các vị Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền).***

Các vị Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo chẳng chứng nhập!

***(Diễn) Tỷ Quán tương ứng, hoặc nhập Sơ Địa, tức Hiện Quán tương ứng hỷ.***

(演) 比觀相應，或入初地，則現觀相應矣。

**(Diễn:** *Tương ứng với Tỷ Quán. Nếu nhập Sơ Địa sẽ tương ứng với Hiện Quán).*

Địa vị Tam Hiền thuộc về Tỷ Lượng Tương Ứng. Đức Phật nói chân tướng sự thật, bản thân họ chưa chứng đắc, bèn dùng lý trí để suy đoán: Đạo lý ấy có thể thừa nhận được, cho nên [sự giải ngộ của họ] thuộc về Tỷ Lượng. “*Tỷ Quán tương ứng*” chính là quán sát bằng Tỷ Lượng. Hiện thời, các vị đồng tu cũng dùng phương thức này, nhưng hiện thời chúng ta còn chưa đạt đến địa vị Tam Hiền. Đạt đến địa vị Tam Hiền vẫn là cảnh giới Tỷ Lượng. “*Nhập Sơ Địa*” sẽ khác hẳn, Sơ Địa là cảnh giới Hiện Lượng, “*tác Hiện Quán tương ứng*” (tương ứng với cảnh giới quán sát bằng Hiện Lượng), nghĩa là vị ấy đã hoàn toàn nhập cảnh giới [Hiện Lượng] này, hoàn toàn chứng thực, khi ấy chính mình thật sự thụ dụng. Phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới Hiện Lượng của Sơ Địa, tương ứng với Hiện Quán.

Trong lời Sớ có câu “*xả thân tức sanh Diệu Hỷ thế giới, Cực Lạc tịnh Phật độ trung*”, đó là nói về Sơ Địa, do Tùy Thuận Nhẫn mà nhập Sơ Địa; điều này cũng ban cho chúng ta một khái thị rất lớn: Chúng ta muốn nhập Sơ Địa, nhất định phải tu Tùy Thuận Nhẫn! Nói cách khác, chúng ta muốn niệm Phật đạt đến Lý nhất tâm bất loạn thì phải tu Tùy Thuận Nhẫn. Trong Tùy Thuận Nhẫn, trí huệ và Thiên Định tràn trề. Nhẫn là Thiên Định, Tùy Thuận là trí huệ. Không có trí huệ, sẽ chẳng có cách nào tùy thuận! Danh từ Tùy Thuận Nhẫn có nghĩa là Định Huệ Song Tu, như vậy thì mới chứng đắc Sơ Địa, là Lý nhất tâm bất loạn. “*Xả thân tức sanh Diệu Hỷ thế giới, Cực Lạc tịnh Phật độ trung*” là nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bậc Sơ Địa trong thế giới này vãng sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cho nên gọi là “*Diệu Hỷ thế giới*”.

Sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng phải là cõi Phàm Thánh Đồng Cư và Phương Tiện Hữu Dư, chẳng khác gì bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm, có cùng một cảnh giới. Tiếp theo đó là dẫn chứng...

**(Sớ)** *Cố Long Thọ dĩ Sơ Địa vãng sanh, Ma Sai Mạt dĩ đắc Nhẫn vãng sanh. Chí như Văn Thủ Phổ Hiền đẳng chư đại Bồ Tát, phát nguyện vãng sanh, mặc khả thắng số, huống sơ tâm hồ?*

(疏)故龍樹以初地往生，摩差末以得忍往生，至如文殊普賢等諸大菩薩，發願往生，莫可勝數，況初心乎。

*(Sớ: Vì thế, ngài Long Thọ do Sơ Địa mà vãng sanh, ngài Ma Sai Mạt do đắc Nhẫn mà vãng sanh, cho đến các vị đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền v.v... còn phát nguyện vãng sanh chẳng thể kể xiết, huống là hàng sơ tâm ư?)*

Đây là nêu lên những tấm gương nhằm khuyến khích, cổ vũ chúng ta. Long Thọ Bồ Tát (Nāgārjuna) đã chứng đắc Sơ Địa, Ma Sai Mạt Bồ Tát đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Sơ Địa có thể tạm gọi là Vô Sanh Pháp Nhẫn, chứ nói nghiêm ngặt thì Thất Địa Bồ Tát mới chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn. Ở đây, xét theo cấu trúc của kinh văn, phải hiểu [ngài Ma Sai Mạt] là Thất Địa. Sau Sơ Địa và Thất Địa [nêu danh tính của bậc Bồ Tát] Đẳng Giác, mỗi tầng một cao hơn, những vị ấy ai nấy đều phát nguyện vãng sanh. Chúng ta là Sơ Phát Tâm, có sao chẳng cầu vãng sanh? Nói rườm lời như thế, quan trọng là câu này: Huống là kẻ Sơ Phát Tâm ư?

*(Diễn) Long Thọ Sơ Địa vãng sanh giả.*

(演) 龍樹初地往生者。

*(Diễn: Ngài Long Thọ thuộc địa vị Sơ Địa vãng sanh).*

Đây cũng là lời dự ký của đức Thế Tôn.

*(Diễn) Phật vân: “Nam Thiên Trúc quốc trung, đại danh đức tỳ-kheo, quyết hiệu vi Long Thọ, năng phá hữu vô tông, thế gian trung hiển ngã, vô thượng Đại Thừa pháp, đắc Sơ Hoan Hỷ Địa, vãng sanh An Lạc sát”.*

(演)佛云：南天竺國中，大名德比丘，厥號為龍樹，能破有無宗，世間中顯我，無上大乘法，得初歡喜地，往生安樂刹。

*(Diễn: Đức Phật nói: “Trong cõi Nam Thiên Trúc có bậc tỳ-kheo danh lẫn đức cao vời, danh hiệu là Long Thọ, có thể phá các tông Hữu và Vô, hiển thị pháp Đại Thừa vô thượng của ta trong thế gian, đắc Sơ Hoan Hỷ Địa, vãng sanh cõi An Lạc).*

“*An Lạc sát*” là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đây là lời dự ký (tiên đoán, thọ ký trước) của Thích Ca Mâu Ni Phật trong khi Ngài giảng kinh vào thuở ấy. Ngài Long Thọ xuất hiện sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ sáu trăm năm, cũng là một vị đại sư lỗi lạc thuở đó, Đại Thừa Phật pháp nhờ Ngài mà được hưng khởi. Vị này là người thông minh tuyệt đỉnh trong thế gian, chẳng những thông đạt kinh sách của hết thầy ngoại đạo trong thế gian, mà kinh sách nhà Phật trong thế gian Ngài cũng đã đọc hết. Pháp thế gian và Phật pháp không gì chẳng thông đạt. Do vậy, chính Ngài khởi tâm ngạo nghễ, ngã mạn, nghĩ mình là bậc nhất trong thế giới này, không có ai hơn được, tâm ngạo mạn dấy lên. Vị Bồ Tát này chuyên thế tái lai, bị mê khi cách âm, tuy mê không nặng lắm, nhưng vẫn là mê! Tập khí từ vô thủy kiếp đến nay chẳng dễ gì đoạn sạch.

Khi ấy, Đại Long Bồ Tát thấy ngài Long Thọ ngạo mạn dường ấy, hết sức thương xót, đên hóa độ, dẫn Ngài xuống thăm long cung. Kinh Hoa Nghiêm do Long Thọ Bồ Tát lấy ra từ long cung, thuở ấy [kinh Hoa Nghiêm] chưa lưu thông trong thế gian. Đại Long Bồ Tát bảo Ngài: “Còn có rất nhiều thứ ông chưa từng xem qua”. Ngài nghe xong, đương nhiên chẳng phục. “Ông không phục thì tôi dẫn ông đi xem”. Long Thọ Bồ Tát thấy cung rồng tàng trữ kinh Hoa Nghiêm, chẳng thể không cúi đầu. Thấy Đại Bồ Hoa Nghiêm Kinh, đừng nói đến nội dung, trước hết hãy nói về sự phong phú của tạng kinh, kinh này có “*mười tam thiên đại thiên thế giới vi trần số kệ*”. Nay chúng ta gọi mỗi một đại thiên thế giới là “tam thiên đại thiên thế giới”, giống như Ngân Hà Hệ (Milky Way, Galaxy) do các nhà Thiên Văn Học hiện tại đã nói. Đem tất cả tinh cầu trong Ngân Hà Hệ nghiền thành vi trần, mỗi một vi trần tính như một bài kệ<sup>2</sup>, [một bài kệ] gồm bốn câu! Không phải là một Ngân Hà Hệ, mà là mười Ngân Hà Hệ. Phân lượng của bộ kinh này lớn ngàn ấy. Do vậy, khuôn Đại Bồ Hoa Nghiêm Kinh về chỗ chúng ta, toàn thể địa cầu không có cách gì chứa đựng được! Có một tứ thiên hạ vi trần số phẩm, Long Thọ Bồ Tát vừa nhìn, ngơ ngẩn! Do vậy, mới năm vóc gieo sát đất bội phục Đại Thừa Phật pháp.

Chắc chắn Ngài chẳng thể thọ trì Đại Bồ Hoa Nghiêm được! Lại xem Trung Bồ, Ngài có thể thọ trì Trung Bồ, nhưng chúng sanh trong Diêm Phù Đề chẳng thể thọ trì, số lượng quá nhiều. Do vậy, lại xem đến

---

<sup>2</sup> Kệ ở đây là cách tính độ lớn của một tác phẩm văn học vào thời cổ ở Ấn Độ. Cứ bốn câu (không cần biết dài ngắn, có vần hay không vần) thì gọi là một “kệ”, chứ không phải là kệ tụng như ta thường thấy trong kinh điển.

Hạ Bôn, Hạ Bôn giống như cương yếu của kinh Hoa Nghiêm, có tổng cộng mười vạn kệ, bốn mươi phẩm. Ngài nói bản này sử dụng được, có thể mang về Diêm Phù Đề. Mang về bằng cách nào? Bồ Tát thật phi phạm. Ngài xem bộ kinh này từ đầu đến cuối xong liền có thể đọc thuộc, tức là mang kinh ra khỏi [long cung] bằng cách đọc thuộc lòng. Vì thế, hiện thời có rất nhiều người chẳng thừa nhận kinh Hoa Nghiêm là do đức Phật nói, mà nghĩ là do Long Thọ Bồ Tát tạo ra. Thật ra, kinh này do Long Thọ Bồ Tát mang từ cung rồng về nhân gian. Hiện thời, kinh này truyền sang Trung Quốc chỉ được một nửa, chúng ta bảo là lược bản của kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm được truyền sang Trung Quốc và phiên dịch vào đời Đông Tấn<sup>3</sup>, gồm ba vạn sáu ngàn bài tụng.

Vào đời Đường, ngài Thật Xoa Nan Đà (Śikṣānanda) đến Trung Quốc, mang theo kinh Hoa Nghiêm, lại dịch thành bản mới, gồm bốn vạn năm ngàn bài tụng, phân lượng tăng thêm chín ngàn bài tụng so với bản dịch trước. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm tuy chưa hoàn chỉnh, nhưng có thể thấy được ý tưởng chính. Đến niên hiệu Trinh Nguyên (785-805), quốc vương xứ Ô Đờ (Odra) tấn công Trung Quốc, trong lễ vật có phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, tức là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, đây là bản hoàn chỉnh của phẩm này, tổng cộng bốn mươi quyển. Trong bộ Hoa Nghiêm tám mươi quyển, phẩm Nhập Pháp Giới chính là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, nhưng chỉ gồm hai mươi một quyển. Vì thế, bản Tứ Thập Hoa Nghiêm gần như gấp đôi [phẩm Nhập Pháp Giới]. Bởi lẽ đó, bản Hoa Nghiêm Kinh bằng tiếng Hán chỉ là một nửa của nguyên bản [bằng Phạn văn]. Trừ bản tiếng Hán, Phạn bản [của kinh Hoa Nghiêm] đã không còn tồn tại trong thế gian này. Nghe nói Phạn bản của Tứ Thập Hoa Nghiêm vẫn còn, chứ Phạn bản của Bát Thập Hoa

---

<sup>3</sup> Bản này thường được gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm do ngài Phật Đà Bạt Đà La (Buddhabhadra – Giác Hiền – 359-429) dịch. Ngài Phật Đà Bạt Đà La họ Thích Ca, là hậu duệ của Cam Lộ Phạn Vương (chú đức Phật). Xuất gia năm mười bảy tuổi, có trí nhớ siêu phàm. Ngài từng sang nước Kế Tân học pháp, rồi theo học Thiền với pháp sư Phật Đại Tiên. Về sau, nhận lời thỉnh của sư Trí Nghiêm vào Trung Hoa, đến Trường An vào năm Hoằng Thi thứ tám (406). Do không thuận thảo với ngài La Thập, Ngài cùng bốn mươi đệ tử dời sang Lô Sơn. Trong thời gian ở Lô Sơn, Ngài dịch bộ Đạt Ma Đa La Thiên Kinh. Năm Nghĩa Hy thứ tám (412) đời Tấn An Đế nhà Đông Tấn, Ngài sang Kinh Châu, rồi đến Kiến Khang (Nam Kinh ngày nay), trụ tích tại Đạo Tràng Tự, cùng với các vị như Pháp Hiền dịch Ma Ha Tăng Kỳ Luật và Đại Bát Nê Hoàn Kinh, rồi dịch kinh Hoa Nghiêm vào khoảng năm 420. Bản dịch này thường được gọi là Cựu Hoa Nghiêm hay Tấn Kinh, còn bản Bát Thập Hoa Nghiêm thường được gọi Tân Hoa Nghiêm hay Đường Kinh.

Nghiêm đã không còn nữa. Vì thế, bản dịch tiếng Hán của kinh Hoa Nghiêm là một bộ kinh điển hết sức quý báu.

Long Thọ Bồ Tát là tổ chung của tám tông. Tám tông phái Đại Thừa của Phật giáo Trung Quốc đều công nhận Long Thọ Bồ Tát là tổ sư đời thứ nhất<sup>4</sup>. Tám tông phái đều lưu xuất từ Ngài. Vì thế, có thể gọi Ngài là Sơ Tổ của Đại Thừa Phật pháp. Tại Trung Quốc, Ngài là một người hết sức bất phàm, Sơ Địa Bồ Tát! Đức Phật dự ký sáu trăm năm sau sẽ có một vị Bồ Tát xuất hiện trong thế gian, Ngài vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

**(Diễn) Ma Sai Mạt đắc Nhẫn vãng sanh giả, Bồ Tát Sanh Địa Kinh vân: “Thời Ma Sai Mạt đắc Bất Khởi Pháp Nhẫn, ngũ bách thanh tín sĩ nữ giai đắc Bất Thoái Chuyển địa, thọ chung câu sanh Vô Lượng Thọ Phật quốc”. Dĩ thượng chứng Tam Hiền, Sơ Địa vãng sanh dã.**

(演)摩差未得忍往生者，菩薩生地經云：時摩差未得不起法忍，五百清信士女皆得不退轉地，壽終俱生無量壽佛國。已上證三賢初地往生也。

**(Diễn: “Ma Sai Mạt đắc Nhẫn vãng sanh”:** *Bồ Tát Sanh Địa Kinh*<sup>5</sup> **chép: “Khi ấy, Ma Sai Mạt đắc Bất Khởi Pháp Nhẫn, năm trăm thanh tín sĩ và thanh tín nữ đều đắc địa vị Bất Thoái Chuyển, khi hết tuổi thọ đều sanh vào cõi Vô Lượng Thọ Phật”. Những điều trên đây chứng tỏ các vị Bồ Tát thuộc Tam Hiền và Sơ Địa đều vãng sanh).**

Trong phần trên đã nói về Tam Hiền, đây là “*liễu tri chư Phật cập nhất thiết pháp, giai duy tâm lượng, đắc Tùy Thuận Nhẫn*”.

---

<sup>4</sup> Trung Quốc chỉ có mười tông phái, trong đó hai tông phái là Tiểu Thừa (Câu Xá và Thành Thật), do vậy ngài Long Thọ là sơ tổ của toàn thể các tông phái Đại Thừa Phật pháp.

<sup>5</sup> Bồ Tát Sanh Địa Kinh do cư sĩ Chi Khiêm người xứ Nhục Chi dịch vào thời Đông Ngô, được đánh số 533, xếp vào tập 14 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Trong kinh ấy, đức Phật ngự tại tinh xá của dòng Thích Ca tại nước Ca Dục La Vệ, ngài Ma Sai Mạt (còn ghi là Sa Ma Kiệt) là một vị trưởng giả trong dòng họ Thích Ca, đến dâng lễ thưa hỏi Bồ Tát nên hành hạnh nào sẽ mau thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lúc lâm chung chẳng sanh vào chỗ có tám nạn. Đức Phật dạy hành Bồ Tát hạnh phải lấy Nhẫn Nhục làm gốc, và giảng rõ Nhẫn Nhục gồm có bốn loại, cũng như hành bốn sự sẽ nhanh chóng thành Phật.



**(Diễn) Chí như Văn Thù Phổ Hiền đấng, tấc Đẳng Giác Bồ Tát, diệp dục vãng sanh, như Hoa Nghiêm kệ trung thuyết.**

(演) 至如文殊普賢等，則等覺菩薩，亦欲往生，如華嚴偈中說。

**(Diễn: Còn như Văn Thù, Phổ Hiền v.v... là Đẳng Giác Bồ Tát, cũng muốn vãng sanh, như trong bài kệ của kinh Hoa Nghiêm đã có nói).**

Bài kệ phát nguyện vãng sanh của các Ngài, chúng ta có thể đọc trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên<sup>6</sup> của kinh Hoa Nghiêm. Đại sư trích dẫn những đoạn kinh văn này nhằm khuyến khích chúng ta: Chúng ta là kẻ sơ phát tâm, mục tiêu nhất định phải gắn chắc nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trừ Tây Phương Cực Lạc thế giới ra, quả thật chẳng dễ gì thành tựu, nhưng tu pháp môn thế giới Tây Phương, đích xác là không gì hơn niệm Phật. Phương pháp Niệm Phật này đúng như Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Thẳng chóng nhất, ổn thỏa thích đáng nhất, viên đốn nhất, đơn giản, dễ dàng nhất*”, chắc chắn chẳng trở ngại công việc. Quý vị muốn niệm Phật hiệu tốt đẹp thì phải tuân thủ hai điều kiện:

1) Điều kiện thứ nhất là đừng gián đoạn. Quý vị vừa nghe nói “chẳng gián đoạn” bèn hoảng sợ. Nếu tôi làm việc, trong khi làm việc chẳng thể niệm Phật, nhất định phải bị gián đoạn. Đây chẳng phải là gián đoạn, mà là nói công khóa sáng tối của quý vị đừng gián đoạn. Quý vị tự xét hoàn cảnh của chính mình, đừng miệt cưỡng, đừng ham cao, chuộng xa. Mỗi ngày ấn định công khóa cho nhiều, tự chúc lấy phiền! Người công việc bận bịu, khóa sáng khóa tối niệm mười tiếng Phật hiệu, dùng phương pháp Thập Niệm. Chẳng gián đoạn là vì tôi mỗi ngày sáng tối đều mười niệm, suốt cả đời chẳng gián đoạn một ngày nào, đó gọi là “chẳng gián đoạn”, quý vị phải hiểu ý nghĩa này! Đừng coi thường cách Thập Niệm này, nó sẽ dưỡng thành thói quen niệm Phật cho quý vị. Bình thường là tán niệm: Không có chuyện gì bèn niệm, có chuyện thì không cần phải niệm, quý vị làm việc thì cứ làm. Do vậy, học Phật đừng học một cách cứng ngắc, phải hiểu đạo lý này!

---

<sup>6</sup> Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm ở đây chính là Tứ Thập Hoa Nghiêm. Bài kệ phát nguyện của Văn Thù Bồ Tát được chép trong quyển ba mươi chín và bốn mươi.

Nếu là người thanh nhàn một chút, bèn ước định niệm Phật hiệu nhiều một chút, hoặc là một trăm câu, xâu chuỗi một trăm lẻ tám hạt, quý vị niệm một chuỗi, hoặc là niệm ba trăm câu, năm trăm câu, một ngàn câu, tùy mình ấn định. Đến mai sau, tuổi đã cao, đã nghỉ hưu không có chuyện gì, khi ấy hãy ấn định niệm một vạn tiếng, hai vạn tiếng sẽ có thể được, vì sao? Chẳng cần phải làm chuyện gì! Hiện tại tuổi trẻ, còn có công việc, gia đình, con cái. Nếu quý vị mỗi ngày niệm mười vạn tiếng, chuyện gì quý vị cũng chẳng làm, cả nhà quý vị chẳng cần ăn cơm, đâu có thể nào như vậy được! Quý vị nhất định phải hiểu đạo lý này. Chúng ta niệm Phật phải tăng thêm dần dần, chẳng thể ấn định hôm nay niệm một vạn câu, niệm đến nổi thở cũng không nổi, mà công chuyện cũng không có cách gì làm được! Ngày mai lại xin Bồ Tát cho nghỉ, con niệm năm ngàn câu, hôm sau nữa niệm ba ngàn câu. Đó là thoái chuyển, không thể chấp nhận được! Thà chỉ mười niệm, quý vị niệm mấy năm trở thành thói quen, dần dần tăng thêm, đó là tướng tinh tấn, chẳng bị thoái chuyển. Thà bắt đầu niệm ít, càng ít càng hay, phải dụng công như thế.

2) Điều kiện thứ hai là chẳng xen tạp. Điều này hết sức quan trọng. Không chỉ hết thấy các tạp sự thế gian chẳng được xen lẫn vào, mà hết thấy Phật pháp xuất thế gian cũng đừng xen tạp vào đó. Do vậy, người niệm Phật phải đọc kinh; thật ra, đọc kinh cũng là niệm Phật, ức Phật, niệm Phật. Quý vị đọc kinh là nghĩ đến Phật, toàn bộ kinh văn từ đầu đến cuối đều nói về Phật, giảng những lý luận, phương pháp, cảnh giới, nghĩ đến Phật, đọc kinh cũng là niệm Phật. Chúng ta đọc kinh nào? Trừ những kinh Tịnh Độ ra, tốt nhất là đừng niệm [những kinh khác], mà cũng đừng nghe. Vì sao? Chẳng xen tạp, điều này rất quan trọng! Có không ít người, kinh gì cũng xem, đi khắp nơi nghe. Tôi thưa cùng quý vị: “Không thể học theo cách đó được!” Người thật sự có thể đến các nơi tham học thì người ta nghe là nghe vậy, một câu A Di Đà Phật chẳng bị ảnh hưởng, như vậy là đúng, như vậy thì được! Nếu chúng ta nghe họ nói mà bị ảnh hưởng, nghe xong cảm thấy pháp khác cũng khá lắm, cũng muốn học thử xem, hỏng bét rồi! Không chỉ công phu niệm Phật của quý vị bị xen tạp những thứ ấy vào, mà nhất tâm cũng chẳng đạt được. Không chỉ chẳng đắc nhất tâm, mà công phu thành phiền cũng khó thành. Vì thế, bảo là chớ nên!

Khi nào bản thân chúng ta như như bất động thì được, thứ gì cũng đều có thể xem, thứ gì cũng đều có thể nghe, chẳng bị trở ngại. Chưa đạt đến công phu ấy thì không nên! Thật sự đạt đến “*chẳng chấp lấy tướng,*

*như như bất động”* như kinh Kim Cang đã dạy, khi ấy, bất luận ai giảng kinh cũng đều nên đi nghe, vì sao? Làm ảnh hưởng chúng. Bởi lẽ, giảng đường đông người thì trang nghiêm! Người ngoài thấy giảng đường đông người như vậy, họ cũng ngồi xuống nghe thử, tạo ảnh hưởng đến người khác. Nếu vị pháp sư giảng kinh trong giảng đường này chỉ có dăm ba người nghe, người bên ngoài đến nơi đây thấy vậy họ cũng chẳng muốn đến nghe. Khi chúng ta còn chưa đủ tư cách làm ảnh hưởng chúng thì phải tránh né cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu chính mình. Vì thế, trước hết phải cầu nhất tâm bất loạn, trước hết cầu công phu thành phẩm, đặt vững cơ sở vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, điều này khẩn yếu hơn bất cứ điều gì khác. Ở chỗ này, Bồ Tát khuyến khích chúng ta.

***(Sớ) Vĩnh Minh vị dục thác chất liên đài, vĩnh ly thai tạng, sanh Cực Lạc đặng chư Phật quốc độ du hí thần thông giả, giai năng liễu đạt tự tâm, vô bất hóa vãng.***

(疏)永明謂欲託質蓮臺，永離胎藏，生極樂等諸佛國土遊戲神通者，皆能了達自心，無不化往。

***(Sớ: Ngài Vĩnh Minh nói: “Người muốn gởi thân nơi đài sen, vĩnh viễn rời khỏi thai tạng, sanh về các cõi Phật giống như cõi Cực Lạc, du hí thần thông, thấy đều có thể liễu đạt tự tâm, không cõi nào mà chẳng hóa thân đến đó”).***

Mấy câu này dẫn lời khai thị của Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư. Ngài là tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Độ Tông, nói mấy câu này đơn giản, dễ hiểu. “*Dục*”: Chúng ta có ham muốn, hy vọng được “*thác chất liên đài*”, tức là người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hóa sanh trong hoa sen. Vì thế, gọi là “*liên đài*”. “*Vĩnh ly thai tạng*”: Thai tạng là thai sanh (sanh trong bào thai) như trong thế gian của chúng ta, thai sanh khổ lắm! Thế giới Tây Phương là hóa sanh, không có nỗi khổ thai ngục. “*Sanh Cực Lạc đặng chư Phật quốc độ*”: [Sanh vào] các cõi Phật giống như Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Du hí thần thông*”: Câu này hình dung cuộc sống tự tại của người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta thường mong mỗi cuộc sống Chân Thiện Mỹ, trên thực tế, trong thế giới này chỉ có danh từ Chân Thiện Mỹ, trọn chẳng có Chân Thiện Mỹ thật sự; nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật là cuộc sống Chân Thiện Mỹ Huệ. Quý vị mong đạt được dục vọng ấy, giống

như họ, thì phải biết “*liễu đạt tự tâm*”. Câu này tương ứng với câu “*Bồ Tát liễu tri chư Phật và hết thảy pháp đều chỉ là tâm lượng*” trong phần trước.

Kinh Hoa Nghiêm có một bài kệ: “*Nhược nhân dục liễu tri, tam thể nhất thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Nếu ai muốn biết rõ, ba đời hết thảy Phật, nên quán tánh pháp giới, hết thảy do tâm tạo). Bài kệ này có cùng một ý nghĩa với những điều đang được nói ở đây. “*Nên quán tánh của pháp giới*” thì “*tánh*” là thể tánh, Triết Học gọi tánh ấy là “*bản thể*”, [tánh] chính là bản thể của hết thảy pháp. “*Tạo*” có nghĩa là hiện hay biến. “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, đó gọi là “*nhất thiết duy tâm tạo*”. Đây là cảnh giới Hiện Lượng của chư Phật Như Lai. Thường đọc tụng bài kệ này, niệm cho thật thuần thực, quan niệm về cảnh giới của chính mình sẽ bất tri bất giác chuyển biến, nó có tác dụng ấy, tức là biến đổi nhân sinh quan và vũ trụ quan của chúng ta.

Thật sự hiểu rõ thông đạt hết thảy các pháp đều do tự tâm biến hiện ra, há có lẽ nào chẳng thể đến cõi nước của chư Phật trong mười phương ư? Không đâu chẳng hóa thân đến được. Chuyện này chẳng khó! Cõi nước của chư Phật do chính mình biến hiện, chẳng phải do người khác. Chúng ta hiện thời chẳng thể đến được là vì không biết [những cõi nước ấy] do chính mình biến hiện, ngỡ chúng chẳng liên can gì đến mình, đến nơi đó quá ư khó khăn! Nếu hiểu những cõi ấy do chính mình biến hiện, sẽ rất dễ dàng!

**(Diễn) Liễu đạt tự tâm vô bất hóa vãng giả, Luận vân: “Nhược quán bỉ Phật Chân Như Pháp Thân, thường cần tu tập, tất cánh đắc sanh nhập Chánh Định cố”.**

(演)了達自心無不化往者，論云：若觀彼佛真如法身，常勤修習，畢竟得生入正定故。

**(Diễn: “Hiểu rõ thông đạt tự tâm thì không một cõi nào chẳng hóa thân đến được”. Luận viết: “Nếu quán Chân Như Pháp Thân của đức Phật ấy, thường siêng tu tập, sẽ rốt ráo được vãng sanh, nhập Chánh Định”).**

Nếu như chúng ta quán, “*quán*” là quán chiếu, quán sát, “*bỉ Phật Chân Như Pháp Thân*” (Chân Như Pháp Thân của đức Phật ấy), chẳng phải là quán Báo Thân, chẳng phải là quán Ứng Hóa Thân, mà bảo

chúng ta hãy quán Pháp Thân của Phật, vì sao? Pháp Thân và bản thân chúng ta có cùng một Thể. So với Báo Thân và Ứng Hóa Thân càng dễ hiểu hơn, lại càng có cảm giác thân thiết hơn. Quý vị quán sát từ bản thể, chẳng phải là từ những tướng được biến hiện, tướng được hiện có sai biệt, bản thể không có sai biệt, Pháp Thân là bản thể. “*Thường cần tu tập, tất cánh đắc sanh*” (Thường siêng tu tập, rốt ráo được vãng sanh): Tu tập là tu cách quán sát này, giống như trong cách quán tướng hảo quang minh của Phật trong Thập Lục Quán Kinh (Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh), làm như vậy nhất định sẽ được vãng sanh. Quán lâu ngày cũng đắc Định, “*nhập Chánh Định*” giống như “*nhập Chánh Định Tự*” đã nói trong phần trước.

**(Sớ) Thiên Như vị: “Nhữ nhược ngộ tâm, tức Tịnh Độ vãng sanh, vạn ngu bất năng vãn hỹ”.**

(疏)天如謂：汝若悟心，則淨土往生，萬牛不能挽矣

**(Sớ: Ngài Thiên Như nói: “Nếu người ngộ tâm sẽ vãng sanh Tịnh Độ, một vạn con trâu chẳng thể kéo lại được”).**

Thiên Như đại sư<sup>7</sup> là bậc đại triết đại ngộ trong Thiên Tông rồi quay đầu chuyên tu Tịnh Độ. Mấy câu nói này của Ngài hết sức hay, có thể tạo tín nguyện kiên định nhất cho người cầu sanh Tịnh Độ chúng ta. Trừ phi quý vị mê mất tự tánh thì mới chẳng chịu vãng sanh, mới hoài nghi pháp môn Tịnh Độ. Nếu quý vị thật sự giác ngộ, “*nhữ nhược ngộ tâm*” (nếu người ngộ tâm), nếu cái tâm của quý vị thật sự giác chứ không mê, lòng tín nguyện cầu sanh Tịnh Độ của quý vị bất cứ sức mạnh nào cũng chẳng thể kinh chống được. “*Vạn ngu bất năng vãn*” (Một vạn con trâu cũng chẳng thể kéo lại được): Trước kia đều nhờ trâu kéo xe, cái xe ấy do bao nhiêu con trâu kéo? Một vạn con trâu kéo mà chẳng

---

<sup>7</sup> Thiên Như (1280-1350), húy Duy Tắc, hiệu Thiên Như, họ ngoài đời là Đàm, sống vào đời Nguyên. Ngài là người làng Bình Lý, huyện Liên Hoa, tỉnh Giang Tây, là đệ tử đắc pháp của thiền sư Trung Phong Minh Bôn. Sư còn để lại các tác phẩm như Sư Tử Lâm Biệt Lục, Thiên Như Tập, Cao Tăng Trích Yếu. Tác phẩm quan trọng nhất của Ngài là bộ Lăng Nghiêm Kinh Hội Giải, dung hội những ý kiến chú sớ từ chín tác phẩm của các vị cổ đức thời Đường - Tống. Giao Quang đại sư đã ca ngợi: “*Từ cuối đời Nguyên đến nay đã hơn hai trăm năm, những người giảng giải và nghe kinh Lăng Nghiêm chỉ biết bộ Hội Giải, chẳng coi trọng các bộ [chú giải] khác*”.

nhúc nhích, nêu rõ tín nguyện của chúng ta kiên cố, quyết định chẳng bị dao động. Nếu quý vị mê, chẳng biết đến sự tốt đẹp của Tịnh Độ, chẳng biết pháp môn này thù thắng, chẳng biết tới công đức lợi ích này. Nếu quý vị ngộ, sẽ biết pháp môn này thù thắng, biết công đức lợi ích của nó. Nói cách khác, so sánh vô lượng vô biên pháp môn, chẳng có bất cứ pháp môn nào có thể sánh bằng pháp môn này! Thật đấy! Kinh dạy: “*Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp*”. Đó là thật, pháp môn bình đẳng, mỗi một pháp môn đều có thể thành vô thượng đạo, nhưng tu học có dễ dàng, có khó khăn, pháp môn này dễ dàng! Có pháp ôn hòa, thích đáng, có pháp chẳng ôn hòa, thích đáng, là vì nó chẳng thể trông cậy được! Chẳng thể trông cậy là như thế nào? Ma chướng rất nhiều, phân định khá khó khăn; đây cũng chẳng phải là điều mà phàm nhân chúng ta có thể khắc phục được!

Trải qua các đời, bao nhiêu vị trong Tông môn, Giáo Hạ trừ những người chưa ngộ, chứ ngộ rồi không một ai chẳng quay đầu chuyên tu Tịnh Độ. Phải biết chuyện này là đại sự! Chuyện này thành tựu thì không có chuyện thế gian và xuất thế gian nào mà chẳng thể thành tựu! Nếu chẳng thể thành tựu chuyện này, tất cả các nguyện vọng trong thế gian đều chẳng thể đạt được một thứ nào. Người thế gian coi trọng nhất là ân cha mẹ, ân cha mẹ khó báo đền! Niệm niệm mong báo ân, nhưng trì trệ niệm Phật, uổng phí thời gian, kết quả là chính mình vẫn phải luân hồi trong lục đạo, làm sao có thể báo đáp cha mẹ? Quý vị phải tạm thời gạt cảm tình qua một bên, biết rằng chỉ có cầu sanh Tịnh Độ thì mới có thể báo ân cha mẹ. Nếu quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng những cha mẹ trong một đời này, mà cha mẹ, gia đình, quyến thuộc trong đời đời kiếp kiếp dù đang ở trong đường nào, mang hình dạng nào, quý vị đều thấy rõ ràng, sẽ có biện pháp giúp đỡ họ. Vì sao? Phật môn thường nói: “*Phật độ người hữu duyên*”, những người ấy có duyên với quý vị! Có duyên thì họ sẽ chịu nghe lời quý vị. Không có duyên, quý vị nói họ chẳng chịu nghe, chẳng tin tưởng, đó là không có duyên. Quý vị nói, họ tin tưởng, họ ưa thích nghe, y giáo phụng hành, đó là duyên sâu. Duyên sâu sẽ dễ độ. Vì thế, “*Phật độ kẻ hữu duyên*” là chuyện như vậy đó. Trong đời quá khứ, người ấy là quyến thuộc của quý vị, là cha mẹ hoặc là con cái của quý vị, có mối quan hệ thân mật như thế, hễ gặp gỡ sẽ rất dễ tiếp nhận. Vì thế, nhằm độ người nhà, quyến thuộc, cũng phải cầu sanh về thế giới Tây Phương.

***(Sớ) Nhiên tắc sơ tâm Bồ Tát, tuy viết liễu minh, khứ Phật thượng viễn, chánh nhĩ cầu sanh bất khả hậu dã.***

(疏)然則初心菩薩，雖曰了明，去佛尚遠，正爾求生不可後也。

*(Sớ: Nhưng sơ tâm Bồ Tát tuy nói là “hiểu rõ”, nhưng cách Phật quá xa, đúng là nên cầu vãng sanh, đừng để tụt hậu).*

Đây là đại sư rất miệng dạy dò chúng ta. “*Sơ Tâm Bồ Tát*” chẳng đơn giản! Nói đến các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền, nay chúng ta gọi là Sơ Tâm Bồ Tát, quả thật là đã đề cao chính mình quá. Tuy hiểu rõ, tức là giải ngộ, thật sự vẫn còn cách Phật quá xa. Các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền chưa phải là chứng ngộ, dẫu đã chứng ngộ thì theo kinh Hoa Nghiêm còn có bốn mươi một đẳng cấp. Sơ Trụ là chứng ngộ, chứng ngộ rồi còn có bốn mươi một đẳng cấp. Vì thế, quả thật cách Phật quá xa! Chúng ta làm thế nào để thân cận Phật? Chỉ có vãng sanh Tịnh Độ, đây là thân cận Như Lai. Chúng ta phải nắm vững con đường tất duy nhất để thân cận Phật này, quyết định chẳng để tụt hậu.

***(Diễn) Nhữ nhược ngộ tâm vạn ngu mịch vãn giả, ngộ tâm chi sĩ, tri Tịnh Độ duy tâm, sanh Tịnh Độ giả, phi sanh Tịnh Độ, sanh tự kỷ tâm trung dã.***

(演)汝若悟心萬牛莫挽者，悟心之士，知淨土唯心，生淨土者，非生淨土，生自己心中也。

*(Diễn: “Nếu ông ngộ tâm, một vạn con trâu chẳng kéo lại”: Bậc ngộ tâm biết Tịnh Độ duy tâm, sanh về Tịnh Độ mà chẳng sanh Tịnh Độ, sanh trong tâm của chính mình).*

Đọc xong đoạn này, mọi người đừng nên suy đoán. Nếu quý vị suy đoán, sẽ tự chuốc phiền. Khởi vọng tưởng “đây là sanh trong tâm của chính mình, chẳng hề sanh về Tây Phương Tịnh Độ”, chẳng phải là rắc rối hay sao? Nhưng quý vị chẳng hiểu tâm của chính mình ở đâu, cứ nghĩ “tâm” là cái tâm đang suốt ngày từ sáng đến tối suy tưởng loạn xạ, lầm lẫn quá đỗi! Muốn hiểu cái tâm này, quý vị phải đọc kinh Lăng Nghiêm, ba quyển đầu của kinh Lăng Nghiêm đều giảng về tâm, chúng ta không biết! Chúng ta đâu có hiểu đạo lý này! Tận hư không, khắp pháp giới là tâm của chính mình! Hiểu điều này cũng được, mà không

hiểu cũng xong, không sao hết, chỉ cần chăm chỉ niệm một câu Phật hiệu là được rồi!

**(Diễn) Tuy viết liễu minh khứ Phật thượng viễn giả, cổ vân: “Đốn ngộ tuy đồng Phật, đa sanh tập khí thâm”.**

(演) 雖曰了明去佛尚遠者，古云：頓悟雖同佛，多生習氣深。

**(Diễn):** “Tuy nói đã hiểu rõ, nhưng còn cách Phật rất xa”. Cổ nhân nói: “Đốn ngộ tuy giống như Phật, nhưng tập khí nhiều đời sâu đậm”.

“Ngộ” ở đây là giải ngộ. Ngộ rồi, kiến giải chẳng khác gì kiến giải của Phật, nhưng tập khí khác nhau! Tâm Phật thanh tịnh, còn người ấy tuy đã ngộ, nhưng tâm chẳng thanh tịnh, vì sao? Kẻ ấy có phiền não, tập khí nhiều đời sâu đậm.

**(Diễn) Phong đình ba thượng dưng.**

(演) 風停波尚涌。

**(Diễn):** Gió đã lặng, sóng vẫn trào.

Tuy không còn gió, nhưng sóng vẫn chưa ngừng. Đây là tỷ dụ, sánh ví sóng với tự tâm: Tâm vẫn chưa tĩnh. Kiến giải đã chính xác rồi, giống như không còn tà kiến, cuồng phong đã dứt bật, nhưng tâm vẫn chưa tĩnh được!

**(Diễn) Lý hiện, niệm do xâm.**

(演) 理現念猶侵。

**(Diễn):** Lý đã rõ, nhưng niệm vẫn còn dấy.

“Lý hiện” là đã hiểu lý rồi, “niệm do xâm”: Vọng niệm vẫn còn, chưa thể đoạn, chẳng thể đạt đến chứng ngộ, chỉ là giải ngộ. Chứng ngộ là gì? Tâm thanh tịnh, đặc Lý nhất tâm bất loạn; chứ Sự nhất tâm bất loạn thì tập khí còn chưa đoạn. Lý nhất tâm bất loạn, tập khí mới đoạn.

**(Diễn) Hựu vân: “Thức băng thị thủy, do lại thang khí dĩ tiêu dung”.**



(演) 又云：識冰是水，猶賴湯氣以消鎔。

(Diễn: Lại nói: “Tảng băng Thức là nước, vẫn phải nhờ hơi nước nóng để tan chảy).

Đây cũng là tỷ dụ. Chữ “*thức*” chỉ thức thứ tám. Thức thứ tám là tâm, khi chúng ta ngộ thì nó được gọi là bốn tánh, khi mê thì gọi là thức thứ tám. Thức thứ tám là bốn tánh, do mê hay ngộ mà danh xưng khác nhau. “*Thức băng thị thủy*”: Nước ví như Chân Như bốn tánh, băng là nước, không sai! Thế nhưng vẫn phải nhờ “*thang khí dĩ tiêu dung*”, thang (湯) là nước sôi, nước sôi rưới lên băng, băng liền tan chảy thành nước.

(Diễn) Ngộ vọng tức chân, thượng y Phật huệ nhi huân luyện dã.

(演) 悟妄即真，尚依佛慧而熏煉也。

(Diễn: Ngộ vọng chính là chân, vẫn phải nương vào Phật huệ để hun đúc).

Thưa quý vị, ngộ rồi thì vọng là chân, chân là vọng. Chân - vọng chẳng hai! Khi mê bèn có chân và vọng, chân và vọng là hai. Khi ngộ thì chân - vọng chẳng hai! Vì sao? Thế là tương đồng. Khi mê, băng và nước khác nhau, băng là băng, nước là nước. Ngộ rồi, mới biết băng và nước là một, không hai, Tương là hai, nhưng Thế chẳng hai, Thế là một. Ngộ rồi, vẫn cần phải huân tu Phật pháp, như vậy thì mới có thể thành tựu.

Một đoạn lớn này nhằm khuyên các đồng tu Sơ Phát Tâm học Phật chúng ta nhất định phải thân cận Như Lai. Nói cách khác, nhất định phải thân cận một vị thầy tốt, chớ nên tách rời; nhưng hiện thời, Phật chẳng còn tại thế, đại sư khuyên chúng ta sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới tìm A Di Đà Phật. Ngài là vị Phật trong hiện tại, chưa diệt độ, đến kiém Ngài, thân cận Ngài. Đây là một trong những nhân duyên khiến lão nhân gia giảng bộ kinh này, soạn bản chú giải này. Tôi thường khuyến khích các đồng tu: Hiện thời, chúng ta còn chưa thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải thân cận một vị thiện tri thức hay một vị thầy tốt đẹp, thời thời khắc khắc bám chắc vị ấy, chớ nên tách lìa, thì mới có thể về thế giới Tây Phương. Vị thầy ấy là ai? Chẳng phải là

tôi, theo tôi là hồng bút! Vị thầy ấy là Liên Trì đại sư, chắc chắn là Ngài tốt đẹp lắm. Tôi cũng theo Ngài, Ngài ở nơi đâu? Ở ngay trong bộ Sớ Sao này. Hằng ngày đọc tụng Sớ Sao Diễn Nghĩa là hằng ngày thân cận thầy.

Cũng có nhiều đồng tu nói: “Tôi đọc cũng không hiểu!” Không hiểu cũng chẳng sao cả! Đọc lâu ngày sẽ hiểu, giống như chúng ta nghe một vị thầy giảng kinh, thoát đầu nghe không hiểu, giọng địa phương của thầy rất nặng, chẳng dễ gì phân biệt được. Nghe tới mấy năm sau bèn nghe hiểu. Vì thế, đừng sợ khó, phải đọc tụng cho nhiều!

***(Huyền Nghĩa) Lục, tận nhiếp lợi độn căn căn tất giai độ thoát giả.***

(玄義) 六、盡攝利鈍諸根悉皆度脫者。

***(Huyền Nghĩa: Sáu là nhiếp hết lợi căn và độn căn, thầy đều độ thoát).***

Đây là nhân duyên thứ sáu. Căn tánh của hết thầy chúng sanh khác nhau, Phật pháp quy nạp [các căn tánh] thành hai loại lớn: Lợi căn và độn căn. Người rất thông minh, vừa tiếp xúc Phật pháp liền giác ngộ, đó là lợi căn. Nghe một biết mười, lợi căn đấy; nghe một chỉ biết một, độn căn! Pháp môn này lợi căn cũng được, độn căn cũng được, bất luận người có căn tánh như thế nào đều có thể học tập, đều có thể thành tựu. Còn như thành tựu cao hay thấp, thừa cùng quý vị, không nhất định người độn căn thành tựu thấp, người lợi căn thành tựu cao, chưa chắc!

Nếu quý vị dựa trên lợi căn và độn căn để luận định thành tựu cao hay thấp thì quý vị làm lẫn quá lớn rồi! Vì sao? Thường là lợi căn chẳng bằng độn căn! Người lợi căn vừa tiếp xúc kinh điển, vừa nghe bèn thông đạt, hiểu rõ triệt để, nhưng tập khí phiền não quá nặng, dầu được vãng sanh, phẩm vị không cao! Kẻ độn căn, quý vị nói với họ, nói như thế nào họ cũng chẳng hiểu, nghe cũng chẳng lọt tai, bảo họ thật thà niệm Phật, được! Ngoan ngoan suốt ngày từ sáng đến tối thật thà niệm Phật. Kết quả người ấy Thượng Phẩm Thượng Sanh, niệm đến mức nhất tâm bất loạn, đâm ra người ấy thành công cao. Đủ thấy: Chẳng thể dùng lợi căn hay độn căn để phán định phẩm vị cao hay thấp.

Người lợi căn thì phải có sự cảnh giác kha khá! Vì thế, nhiều kẻ thông minh, trí huệ lại chẳng bằng những bà cụ già, các bà ấy thật sự thành tựu! Điều gì họ cũng chẳng cần biết, điều gì cũng chẳng cần hiểu,

phàm những lý luận phải dùng đến đầu óc, phải suy xét, họ nhất loạt không màng tới. Bảo họ thật thà niệm Phật thì: “Được! Tôi thật thà niệm Phật!” Tâm họ không có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, thật thà niệm một câu Phật hiệu, từng tiếng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, họ bèn thành công. Phẩm vị quyết định chẳng thấp hơn người khác.

***(Huyền Nghĩa) Chư dư pháp môn, cao chi tắc hạ cơ tuyệt phân, ty chi tắc bất bị thượng căn.***

(玄義) 諸餘法門，高之則下機絕分，卑之則不被上根

*(Huyền Nghĩa: Các pháp môn khác, cao thì kẻ căn cơ thấp chẳng có phần, nếu thấp thì chẳng phù hợp hạng thượng căn).*

“Chư dư pháp môn” là nói hết thầy các pháp môn trừ pháp môn này ra, kinh thường nói “tám vạn bốn ngàn pháp môn” hay “vô lượng pháp môn”, hoặc là quá cao, người căn tánh trung hạ chẳng có phần! Nếu quá thấp thì người căn cơ trung thượng chẳng muốn học. Chẳng thể nhiếp trọn [hết thầy các căn cơ] được!

***(Huyền Nghĩa) Thị dĩ Hoa Tạng như minh, huỳnh quang tăng kết.***

(玄義) 是以華藏如盲，螢光增結。

*(Huyền Nghĩa: Do vậy, đối với Hoa Tạng [hàng Nhị Thừa và Thập Tín Bồ Tát trở xuống] như lò, [trí huệ của họ như] ánh lửa đom đóm, [đối với đại pháp Nhất Thừa, do không thể thông hiểu nên] càng tăng thêm phiền não).*

Đoạn này nêu tỷ dụ. Chữ “*Hoa Tạng*” chỉ kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm được giảng trong mười bốn ngày khi đức Phật thị hiện thành Phật. Nếu nhìn theo hình tướng để nói, trước hết, đức Phật giảng pháp Tứ Đế cho năm vị tỳ-kheo<sup>8</sup> tại Lộc Dã Uyển (Mrgá-dāva). Kinh

---

<sup>8</sup> Năm vị tỳ-kheo (Pañca Bhiksavah) là năm vị hoàng tử hoặc trưởng giả thuộc dòng họ Thích Ca, tuân lệnh vua Tịnh Phạn, theo Thái Tử Tất Đạt Đa cùng đi tu, cùng hành khổ hạnh. Khi thấy, thái tử nhận sữa cúng dường của cô gái chăn bò, họ nghĩ Thái Tử đã thoái chuyển nên rời bỏ Ngài, lánh sang Lộc Dã Uyển. Sau khi thành đạo, ngài nhập Định dưới cội Bồ Đề để giảng kinh Hoa Nghiêm xong, đức Phật sang

Hoa Nghiêm do Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi dưới cội Bồ Đề, nhập Định, nói trong Định. Phàm phu nhục nhãn chúng ta chẳng thấy, chẳng nghe. Chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tịnh tọa dưới cội cây, đâu biết Ngài thuyết pháp trong Định? Người căn tánh trung hạ như đui, như điếc, chẳng nghe, mà cũng chẳng thấy. Lão nhân gia ở trong Định thuyết pháp là nói với những ai? Nói với bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng. Bốn mươi một địa vị chẳng phải là chỉ có bốn mươi một người, mà là không biết bao nhiêu người! Bốn mươi một tầng cấp, tức là Sơ Trụ Bồ Tát, Nhị Trụ Bồ Tát và Tam Trụ Bồ Tát, mãi cho đến Đẳng Giác Bồ Tát. [Số lượng các] Bồ Tát thuộc mỗi địa vị đều là vô lượng vô biên, đức Phật vì những người ấy thuyết pháp. Bởi lẽ đó, Thanh Văn, Duyên Giác đều chẳng có phần, đều chẳng thấy được. Đây là đức Phật giảng Phật pháp thượng thừa, giảng Hoa Nghiêm, hàng căn tánh trung hạ chẳng có phần.

“*Huỳnh quang tắng kết*”: Ánh lửa đom đóm chẳng thể so với ánh mặt trời. Chẳng những họ (phàm phu, Nhị Thừa, quyền tiểu Bồ Tát) không thể tiếp nhận, mà còn hủy báng, họ đâu có thấy! Giống như trong hiện thời có nhiều kẻ hoài nghi Đại Thừa, đề xuất “Đại Thừa chẳng phải do Phật nói”. Ở đây, chúng ta phải đặc biệt lưu ý: Chẳng riêng gì đức Phật không dối gạt con người, mà Bồ Tát đã đạt đến Sơ Địa, chúng ta hạ thấp địa vị xuống một chút thì các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền, thậm chí người công phu thành phiền có dối gạt người khác hay chẳng? Chắc chắn chẳng dối gạt người khác! [Ngăn cấm] dối gạt người là đại giới, là căn bản giới của Phật. Kẻ phá căn bản giới, chiếu theo Giới Kinh để kết tội thì quả báo là trong địa ngục. Chúng ta tin tưởng những vị [Bồ Tát] ấy chắc chắn chẳng phá căn bản giới. Vì thế, đối với những lời họ nói, lưu truyền lại, nhất định phải tin tưởng, nhất định chớ nên hoài nghi.

Hướng chỉ kinh Đại Thừa sau khi chúng ta đọc qua, những chỗ tạo cảm kích, phát khởi [tâm nguyện] hết sức nhiều, quả thật là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Thế nhưng ngày nay chúng ta chỉ có thể thấy một chút ngoài da, chứ đối với những nghĩa uyên áo trong ấy thì cần phải có công phu, thật đấy, tâm địa một phần thanh tịnh, quý vị sẽ thấy một phần áo diệu, mười phần thanh tịnh sẽ có thể thấy mười phần áo diệu. Tâm

---

Lộc Dã Uyển, hóa độ họ, khiến họ trở thành năm vị đệ tử đầu tiên của đức Phật. Tăng đoàn được thành lập từ đây. Tên của năm vị ấy là Kiền Trần Như (Ajñāta Kaundinya, Liễu Bồn Tế), A Thuyết Thị (Asvajit, Mã Thắng), Bạt Lê Ca (Bharika, Tiểu Hiền), Ma Ha Nam (Mahānāman, Đại Danh) và Thập Lực Ca Diếp (Daśabala-Kāśyapa, Khởi Khí).

thanh tịnh của chính mình chưa hiện tiền thì quý vị nên làm sao? Khiêm tốn, chân thành, cung kính. Dùng cái tâm cung kính để đọc, cũng sẽ có chỗ khai phát (khơi gợi, phát khởi), cũng có ngộ xứ. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, lại chẳng cung kính, quý vị chẳng có cách gì đọc kinh ấy!

***(Huyền Nghĩa) Duy thử nhất pháp, thượng hạ kiêm thu.***

**(玄義) 唯此一法，上下兼收。**

***(Huyền Nghĩa: Chỉ có mình pháp này, gồm thu thượng căn lẫn hạ căn).***

Đây là nói về pháp môn trong Tiểu Bản A Di Đà Kinh. Thượng căn là những vị Đẳng Giác Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, hạ căn là hạng người giống như ngài Châu Lợi Bàn Đà Già. Tôi nghĩ mỗi một người chúng ta đều [có trí nhớ] mạnh hơn Ngài, Ngài niệm hai chữ “điều chửu”<sup>9</sup> đọc chữ trước, quên khuấy chữ sau. Nhắc Ngài chữ sau, lại quên khuấy chữ trước! Tôi nghĩ quý vị vẫn chưa đến nỗi ngốc nghếch như thế! Ngài có thể thành công, một bài kệ Ngài học hơn ba tháng mới đọc được, cũng là rất ít có! Thật sự là hàng hạ căn.

***(Huyền Nghĩa) Khả vị vạn bệnh dĩ u A Già, thiên khí thành u cự dã, khởi bất Từ môn quảng đại, phổ độ vô di?***

**(玄義) 可謂萬病愈於阿伽，千器成於巨冶，豈不慈門廣大，普度無遺。**

***(Huyền Nghĩa: Có thể nói là thuốc A Già Đà chữa lành muôn bệnh, là lò lớn luyện thành ngàn món đồ, há chẳng phải là Từ môn rộng lớn, phổ độ chẳng sót u?)***

Mấy câu này có ý nghĩa rất rõ ràng, chẳng khó hiểu; nhưng ý nghĩa bao hàm trong ấy rất sâu. Từ những câu nói này, chúng ta có thể thấu hiểu vì sao mười phương chư Phật đều tán thán và hộ niệm bộ kinh này, đạo lý là ở chỗ này: Phật môn phổ độ chúng sanh rộng lớn, rộng lớn ở chỗ nào? Dùng gì để phổ độ? Dùng pháp môn này! Không chỉ mình

---

<sup>9</sup> Điều (苕) là hoa lau. Hoa lau kết lại làm chổi để phẩy dọn bụi bặm giống như chổi lông gà hiện thời thì gọi là “điều chửu” (苕帚). Chữ Điều thường đọc thành Thiều. Mạt nhân đoán lão cư sĩ Nguyễn Hữu Kha lấy biệt hiệu Thiều Chửu với ý nghĩa này, cụ tự khiêm hư ví mình như cây chổi để phẩy bụi tâm thường, kém cõi.

Thích Ca Mâu Ni Phật dùng pháp môn này, mà mười phương ba đời tất cả chư Phật, không vị Phật nào chẳng dùng pháp môn này. Nếu chúng ta hỏi: Vì sao đức Phật lại nói các pháp môn khác nhiều ngàn ấy? Tôi vừa mới nói rồi đó! Chính là vì đức Phật nói pháp môn này, có một loại chúng sanh chẳng tin tưởng, chẳng chịu tiếp nhận, họ nghĩ thành Phật đâu có đơn giản như thế, đâu có dễ dàng dường ấy! Được rồi! Nếu người nghĩ là chẳng dễ dàng, chẳng đơn giản, đức Phật nói cho người một pháp môn không đơn giản, không dễ dàng cho người học. Nếu người thật sự chịu tin tưởng, học Phật dễ dàng, đơn giản dường ấy thì người là thượng căn. Bậc thượng căn lợi trí thật sự vừa nghe liền tin tưởng, chẳng hoài nghi, sốt sắng thực hiện, sẽ thành công. Chẳng tin tưởng, hoài nghi thì sẽ ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ! Phật độ kẻ hữu duyên, kẻ đó vô duyên! Vô duyên thì Phật phải kết duyên với kẻ ấy, dùng các thứ phương pháp khác nhau để kết duyên với hắn.

Độ kẻ hữu duyên thì dùng phương pháp nào? Dùng pháp môn này. Ta dùng các pháp môn khác để kết duyên với kẻ ấy. Quý vị vẫn ở trong lục đạo, còn chưa thành tựu, đến đời nào kiếp nào nhân duyên chín muồi, sẽ từ đâu mà đắc độ? Nói thành thật, chẳng khách sáo thì vẫn là do pháp môn này mà đắc độ! Chỉ có thật sự vãng sanh thì mới là đắc độ. Chưa vãng sanh là chưa đắc độ! Chúng ta thấy trong Thiên Tông có nhiều công án, sau khi đại triệt đại ngộ, quả thật có thân thông, biết quá khứ, hiện tại, vị lai, có thể trốn khỏi luân hồi hay chẳng? Trốn chẳng khỏi! Có thể trốn khỏi là những người sau khi đại triệt đại ngộ bèn quay về niệm Phật, liền vượt thoát! Nếu chúng ta có thể hiểu rõ chân tướng sự thật này, sẽ chẳng động tâm đối với bất cứ một pháp môn nào!

Chúng ta muốn đọc, muốn nghiên cứu, phải lấy kinh Di Đà làm trung tâm, có thể nghiên cứu thêm những kinh luận liên quan tới pháp môn này nhằm giúp cho chúng ta lý giải, giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Tín tâm thật sự kiến lập thì niệm Phật mới nắm chắc, mới có thể nghiên cứu lan man sang các pháp môn khác. Tín tâm của chúng ta chưa kiên cố, vẫn còn dao động, tốt nhất đừng dính dáng tới những pháp môn khác. Những sách như Tịnh Độ Thập Yếu, Liên Trì Đại Sư Toàn tập, Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập chúng ta có thể đọc, vì sao? Chỗ nào cũng đều chỉ về Tịnh Độ, đi theo một phương hướng, một mục tiêu. Thích hiểu nhiều hơn một chút thì phải đi theo phương hướng này. Nếu chẳng muốn học nhiều thứ thì ta vẫn là càng đơn giản càng hay, Tây Phương Công Cứ kèm thêm Di Đà Kinh Sớ Sao là đủ rồi! Nếu vẫn chưa buông xuống được, Tịnh Độ Thập Yếu, Liên Trì Đại Sư Toàn Tập, Ngẫu Ích

Đại Sư Toàn Tập, Ân Quang Đại Sư Văn Sao, những thứ này đều được. Nhiều hơn nữa thì không được! Chắc chắn là xen tạp, chẳng hay ho gì! Vì thế, những thứ khác đừng nên dính dáng tới, chuyên tu pháp môn này. Thật sự chuyên tu, giống như cỗ nhân, ba năm sẽ có hiệu quả. Nếu quý vị thật sự tu tập không gián đoạn, chẳng xen tạp, ba năm nhất định sẽ có tin tức. Nếu quý vị gián đoạn, xen tạp thì không có cách gì hết! Lập chí nguyện, chuyên cầu Tây Phương Tịnh Độ. Hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.